

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYỂN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Ngành học: **Kế toán** (Accounting)
Mã ngành: 7340301 Hệ đào tạo: Chính quy
Thời gian đào tạo: 04 năm Danh hiệu: Cử nhân
Đơn vị quản lý: Bộ môn: Kế toán - Kiểm toán, Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kế toán theo hướng chuyên nghiệp. Các mục tiêu cụ thể:

- a. Phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, trách nhiệm với xã hội.
- b. Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội.
- c. Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành.
- d. Thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập.
- e. Năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

2.2 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Có kiến thức cơ bản về những nguyên lý kinh tế để phân tích và lý giải được các biến động của nền kinh tế nói chung; nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến tổng thể của nền kinh tế; giải thích được các vấn đề kinh tế trong doanh nghiệp.
- b. Có kiến thức cơ bản về thống kê, phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính – kế toán.
- c. Có kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, tài chính, tiền tệ, marketing, quản trị học.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, và các văn bản pháp quy có liên quan đến kế toán, tài chính và thống kê.
- b. Có kiến thức về nội dung, phương pháp, kỹ thuật thu thập, xử lý và ghi nhận thông tin kinh tế trong doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN phù hợp với chuẩn mực kế toán, tài chính và thống kê.
- c. Có kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các chương trình/dự án kinh tế – xã hội bao gồm: hệ thống thông tin kế toán, chứng từ – sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị.
- d. Có kiến thức về phân tích báo cáo tài chính và đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, tổ chức tài chính, và đơn vị HCSN.
- e. Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán; và
- f. Có kiến thức căn bản về kiểm toán.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

Kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế xã hội:

- a. Tiếp cận được các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo.
- b. Vận dụng được quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo.
- c. Ứng dụng được khoa học tự nhiên trong giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản.

Kỹ năng về thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp:

- d. Thực hiện được các công việc cơ bản về lập kế hoạch tài chính, tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; thực hiện các quy định về thuế trong các hoạt động kinh doanh.
- e. Thực hiện được các công việc cơ bản về marketing và tham gia thực hiện văn hóa kinh doanh; thực hiện được những nội dung cơ bản về xây dựng, thực hiện và kiểm tra các hoạt động kinh doanh.
- f. Tổ chức và triển khai được các công việc được giao về quản trị doanh nghiệp.

Kỹ năng thuộc lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn:

- g. Vận dụng, tuân thủ các chuẩn mực và Pháp luật về tài chính – kế toán trong công tác kế toán và thống kê.
- h. Thu thập, phân loại, xử lý và tổ chức hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với chuẩn mực kế toán.
- i. Tham gia tổ chức được hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức triển khai hệ thống thông tin kế toán, hệ thống chứng từ – sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị;
- j. Tổ chức được công tác kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị HCSN và các chương trình/dự án kinh tế – xã hội.
- k. Thực hiện báo cáo thuế, thống kê và lưu trữ thông tin kế toán theo quy định của Pháp luật.
- l. Tham mưu được về tài chính – kế toán cho Thủ trưởng đơn vị.
- m. Vận dụng, thiết kế được thông tin kế toán phục vụ cho công tác ra quyết định của Lãnh đạo.
- n. Sử dụng được các phần mềm kế toán và tham gia, phối hợp được với các tổ chức kiểm toán.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, lãnh đạo, tổ chức được các hoạt động và phát triển nhóm; làm việc chuyên môn được trong nhóm.
- b. Kỹ năng giao tiếp: có chiến lược giao tiếp, biết cách tổ chức giao tiếp, giao tiếp được bằng văn bản, đa truyền thông, và đồ họa; và thuyết trình và thu hút trong giao tiếp.
- c. Kỹ năng tư duy hệ thống: lập luận vấn đề logic, có hệ thống, ở phạm vi toàn cục; biết được sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý.
- d. Tố chất và kỹ năng cá nhân: suy xét, tư duy sáng tạo; nghiên cứu, khám phá kiến thức và kỹ năng mới; đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro; có tính kiên trì và linh hoạt trong công việc; có năng lực nhận biết kiến thức, kỹ năng và thái độ của người khác; tự học, học suốt đời và làm việc độc lập; làm việc có kế hoạch, phân bổ công việc hợp lý, biết cách quản lý thời gian, và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình.
- e. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: giao tiếp, đọc hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm kế toán; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giao tiếp và thu thập thông tin cho học tập và nghiên cứu.

2.3 Thái độ

- a. Có phẩm chất chính trị: chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; quan điểm chính trị vững vàng, biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể – tổ chức và quốc gia.
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân: có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết công nhận thành quả của người khác, biết chấp nhận thất bại và rút kinh nghiệm.
- c. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- d. Có phẩm chất đạo đức xã hội: có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức xã hội, các dân tộc; biết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội; tư cách, tác phong đúng đắn, chuẩn mực trong quan hệ xã hội; và biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên kế toán: có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các tổ chức khác và các chương trình/dự án kinh tế - xã hội; có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán như: kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp, kế toán phân tích, kiểm toán nội bộ và triển vọng trở thành kế toán trưởng.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn: có khả năng làm việc tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; có thể đảm nhận công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; có triển vọng trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.
- Trợ lý kiểm toán: có khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán; có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, kiểm toán viên cao cấp.
- Nghiên cứu viên và giảng viên: có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục Cao đẳng, Đại học, Trung học chuyên nghiệp, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kế toán, kiểm toán; giảng dạy.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kế toán, tài chính, kinh tế và kinh doanh.
- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kinh tế, và kinh doanh.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành kế toán của Học viện Ngân hàng.
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30			
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15		
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60	
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2			30		
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3			45		ML009
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30		ML010
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
Cộng: 46 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	
37	KT126	Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán – Kiểm toán	2	2		30		KT108	
38	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			
39	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			
40	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			
41	KT339	Kế toán quản trị 1	3	3		45		KT106	
42	KT341	Kế toán tài chính 1	3	3		45		KT106	
43	KT376	Kiểm toán 1	3	3		45		KT106	
44	KT370	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	3		45		KT106	
45	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	2		30			
46	KT111	Tài chính – Tiền tệ	3		6	45			
47	KT330	Thuế	3			45		KT101	
48	KT113	Kinh tế lượng	3			45		KT108	
49	KT104	Marketing căn bản	3			45			
50	KT103	Quản trị học	3			45			
51	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101	
52	KT 303	Kinh tế quốc tế	3			45		KT102	
Cộng: 38 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 6 TC)									

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
Khối kiến thức chuyên ngành								
53	KT315	Kế toán ngân sách	3	3		45		KT106
54	KT127	Kế toán quản trị 2	3	3		45		KT106
55	KT342	Kế toán tài chính 2	3	3		45		KT106
56	KT128	Kế toán tài chính 3	3	3		45		KT106
57	KT372	Kế toán chi phí	2	2		30		KT106
58	KT373	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3		45		KT106
59	KT374	Kế toán ngân hàng	3	3		45		KT106
60	KT383	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	3	3		45		KT341
61	KT260	Ứng dụng phần mềm trong kế toán	3	3		15	60	KT106
62	KT275	Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán	3	3		45		
63	KT222	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		30		KT106
64	KT129	Kiến tập ngành Kế toán	2	2			60	KT341
65	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT106
66	KT308	Quản trị tài chính	3			45		KT111
67	KT130	Chuẩn mực kế toán	3			45		KT106
68	KT343	Kế toán quốc tế	3			45		KT106
69	KT377	Kiểm toán 2	3			45		KT376
70	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45		KT106
71	KT329	Thị trường chứng khoán	3			45		KT111
72	KT249	Kinh tế học ngân hàng	3			45		KT111
73	KT344	Nghiệp vụ ngân hàng	3			45		KT111
74	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3		13	45		KT111
75	KT326	Tài chính công	2			30		
76	KT371	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			30		KT106
77	KT405	Lý thuyết bảo hiểm	2			30		
78	KT363	Quản trị vận phòng	2			30		
79	KT328	Thanh toán quốc tế	3			45		
80	KT226	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3			45		KT102
81	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30		
82	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45		
83	KT434	Chuyên đề kế toán	2				60	KT341, KT126
84	KT451	Luận văn tốt nghiệp kế toán	10				300	≥ 105 TC
85	KT298	Tiểu luận tốt nghiệp kế toán	4				120	≥ 105 TC
86	KT420	Dự báo kinh tế	3		10	45		
87	KT233	Kế toán hợp nhất kinh doanh	3			45		
88	KT234	Pháp luật kế toán	2			30		
89	KT235	Seminar kế toán	2			30		
Cộng: 56 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 23 TC)								
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 96 TC; Tự chọn: 44 TC)								

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

7. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo chuyển tiếp gồm có 2 giai đoạn.

7.1 Giai đoạn 1

7.1.1 **Tổ chức đào tạo:** Đào tạo tập trung tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long.

7.1.2 **Thời gian đào tạo:** 1 năm.

7.1.3 Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
<i>Học kỳ 1 (12 đến 13 TC)</i>								
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4-3	60		
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
4	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30		
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15		
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60	
<i>Học kỳ 2 (14 TC)</i>								
7	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
9	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
10	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		
11	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30		

Ghi chú: Sinh viên chọn tích lũy học phần Anh văn căn bản 1 (XH023) hoặc học phần Pháp văn căn bản 1 (XH004)

7.1.4 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 1

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về công tác học vụ của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Kết thúc thời gian đào tạo giai đoạn 1, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập giai đoạn 1 bao gồm: kết quả học tập học phần, điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy các học phần thuộc CTĐT giai đoạn 1 (theo thang điểm 10 và thang điểm 4) và điểm rèn luyện.

7.2 Giai đoạn 2

7.2.1 Điều kiện chuyển tiếp giai đoạn 2

Điều kiện về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khi kết thúc giai đoạn 1 để được xem xét chuyển tiếp vào giai đoạn 2 như sau:

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo (CTĐT) giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức giáo dục chính quy tại Trường ĐHCT.
- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 của CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.
- Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,0 điểm (theo thang điểm 4) thì được tiếp tục theo học CTĐT cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Vĩnh Long.
- Sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và không bị xếp loại rèn luyện năm học yếu, kém.

7.2.2 Tổ chức đào tạo

- Đại học hệ chính quy: đào tạo tập trung tại Trường ĐHCT theo quy định đào tạo đối với hình thức giáo dục chính quy của Trường ĐHCT.
- Đại học hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa: đào tạo tại Trường CĐCD Vĩnh Long theo quy định đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.

7.2.3 Thời gian đào tạo: 3 năm (thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT chuyển tiếp là 7 năm).

7.2.4 Chương trình đào tạo: Các học phần chưa tích lũy thuộc CTĐT chuyển tiếp.

7.1.5 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 2

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Quy định về công tác học vụ của Trường ĐHCT.

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập toàn khóa học.

7.1.6 Văn bằng tốt nghiệp

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với hình thức đào tạo:

- Đào tạo hệ chính quy: Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy.
- Đào tạo hệ vừa làm vừa học: Bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học.
- Đào tạo từ xa: Bằng tốt nghiệp đại học đào tạo từ xa.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Hà Thanh Toàn

**HỘI ĐỒNG KH VÀ ĐT
CHỦ TỊCH**

Lê Việt Dũng

**KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA**

Võ Thành Danh